TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

ÁP DỤNG KHÓA NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 3718 /QĐ-KHTN, ngày 02/12/2024 của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên tiếng Việt: **Toán ứng dụng**
- Tên tiếng Anh: Applied Mathematics
- Mã số ngành: 8460112
- Thời gian đào tạo: thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa là 24 tháng (2 năm)
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Toán ứng dụng

2. Loại chương trình đào tạo và Phương thức đào tạo

• Chương trình ứng dụng: đào tạo theo Phương thức 2 (viết tắt PT2): học viên học các môn học của chương trình đào tạo và thực hiện luận văn thạc sĩ.

3. Cấu trúc chương trình đào tạo:

Loại chương trình	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ			
		Kiến thức chung	Kiến thức cơ sở và CN		Luận văn
		(triết, ngoại ngữ)	Bắt buộc	Tự chọn	
Phương thức 2	61	3	10	36	12

4. Khung chương trình đào tạo

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
A		**Phần kiến thức chung**	**3**	**3**	**0**
1	MTR	Triết học	3	3	0
2	MNN	Ngoại ngữ			
B		**Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành**			
B.1		***Môn học bắt buộc***			
1	MNC	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
2	MTT131	Seminar Toán ứng dụng	4	3	1
3	MTT001	Giải tích hàm nâng cao	4	3	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG- HCM

Stt	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ		
			Tổng số	LT	TH,TN,TL
B.2		***Môn học tự chọn***			
1	MTT097	Phương trình đạo hàm riêng	4	3	1
2	MTT011	Giải tích số	4	3	1
3	MTT012	Quá trình ngẫu nhiên	4	3	1
4	MTT074	Phương pháp phần tử hữu hạn	4	3	1
5	MTT075	Cơ học chất lỏng	4	3	1
6	MTT076	Cơ học vật thể rắn	4	3	1
7	MTT077	Lý thuyết tài chính	4	3	1
8	MTT078	Mô hình toán tài chính	4	3	1
9	MTT079	Dự báo	4	3	1
10	MTT080	Thống kê	4	3	1
11	MTT081	Thuật toán Tối ưu	4	3	1
12	MTT104	Phương pháp số trong tối ưu	4	3	1
13	MTT083	Giải tích lồi	4	3	1
14	MTT084	Tối ưu phi tuyến	4	3	1
15	MTT106	Quy hoạch phi tuyến	4	3	1
16	MTT107	Giải tích đa trị	4	3	1
17	MTT130	Lập trình tính toán số cho các bài toán ứng dụng	4	3	1
18	MTT147	Mô hình hóa thống kê	4	3	1
19		Các môn tự chọn khác do ngành Toán ứng dụng mở			
20		Các môn thuộc các ngành thạc sĩ khác của Khoa Toán-Tin học (*)	≤ 12		
C	**MLV**	**Luận văn tốt nghiệp**	**12**		